TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2024/DS-ST Ngày 27-6-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy, Thư ký Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Ngân hàng N - Chi nhánh S xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A);

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Toàn V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh S tham gia tố tụng theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Bà Nguyễn Thị T ủy quyền lại cho bà Phạm Lê Ngân G và ông Mai Trường Y; cùng chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số: 77/UQ-NHNo.So1 ngày 03 tháng 4 năm 2024 (có mặt bà Phạm Lê Ngân G).

Địa chỉ chi nhánh: Số H, 87 Q, Khóm I, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2 Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Hữu Sang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Phạm Lê Ngân G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09 tháng 10 năm 2007 ông Nguyễn Văn L có ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng N - Chi nhánh S theo Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

- Ngày nhận nợ vay: ngày 09 tháng 10 năm 2007.

- Ngày trả cuối cùng: ngày 09 tháng 12 năm 2011.

- Dư nợ hiện tại: 34.900.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 là: 18.502.061 đồng.

Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Văn L đã trả được số tiền nợ gốc là 15.100.000 đồng, số tiền lãi đã trả đến ngày 15 tháng 6 năm 2009 là 10.925.079 đồng.

Hiện tại ông Nguyễn Văn L đã vi phạm hợp đồng vay vốn đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh S, không trả nợ gốc, lãi đúng hạn. Ngân hàng N - Chi nhánh S đã nhiều lần cử cán bộ đến đôn đốc nhưng ông Nguyễn Văn L vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền nợ gốc là 34.900.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2013 đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 là 18.502.061 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 53.402.061 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ông Nguyễn Văn L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bị đơn vắng mặt. Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 53.402.061 đồng. Trong đó nợ gốc là 34.900.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 là 18.502.061 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007 và các phụ kiện của hợp đồng tín dụng nêu trên.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007 các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng N - Chi nhánh S là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về mặt nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh S với ông Nguyễn Văn L thì ông Nguyễn Văn L vay của Ngân hàng N - Chi nhánh S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để sửa nhà, thời hạn vay là 50 tháng. Lãi suất thỏa thuận tại thời điểm vay là 1,15%/tháng. Thời hạn vay là 50 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09 tháng 12 năm 2011. Hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm. Thời điểm vay ông Nguyễn Văn L công tác tại Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh T. Trong quá trình vay, ông Nguyễn Văn L đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 15.100.000 đồng, số tiền lãi đã trả đến ngày 15 tháng 6 năm 2009 là 10.925.079 đồng. Đến ngày 01 tháng 7 năm 2009 thì ông L nghỉ hưu và chuyển về sinh sống tại Khóm A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi nghỉ hưu ông L không có thông báo cho ngân hàng biết để xử lý khoản nợ, đồng thời cũng ngưng lại việc trả nợ. Đối với ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Như vậy xem như ông L không có ý kiến gì phản đối các yêu cầu của nguyên đơn. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Cụ thể là không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo

thỏa thuận. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 34.900.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 là 18.502.061 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 53.402.061 đồng.

[3] Kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007 và các phụ kiện của hợp đồng tín dụng này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L là người trên 60 tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn L không có đơn đề nghị miễn án nên căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 2.670.103 đồng.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho Ngân hàng N số tiền 53.402.061 đồng. Trong đó nợ gốc là 34.900.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 là 18.502.061 đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 625/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2007 và các phụ kiện của hợp đồng tín dụng này.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu 2.670.103 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.316.900 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000217 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Khoa